**AUDIT\_DETECT** //Bảng Phát hiện kiểm toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu** | **Ghi chú** |
| id | int |  |
| year | int | năm kiểm toán |
| auditwork\_id | int | id của cuộc kiểm toán ở trạng thái Đã duyệt thuộc năm đã chọn |
| auditwork\_name | string | Tên cuộc kiểm toán |
| auditprocess\_id | Int | id của quy trình |
| auditfacilities\_id | Int | id của đơn vị |
| code\_audit\_detect | String | mã phát hiện *PH.[YYYY].[XXXX] ( YYYY là năm, XXXX là số tự tăng 0001)* |
| name\_audit\_detect | String | tên phát hiện |
| status | Int | 1 bản nháp , 2 chờ duyệt , 3 đã duyệt , 4 từ chối duyệt , 5 ngưng sử dụng |
| title | String | Tiêu đề phát hiện kiểm toán |
| short\_title | String | Tiêu đề rút gọn phát hiện kiểm toán |
| description | String | Mô tả phát hiện KT |
| evidence | String | Bằng chứng phất hiện KT |
| path\_audit\_detect | String | File |
| affect | string | ảnh hưởng |
| rating\_risk | Int | Xếp hạng rủi ro |
| cause | String | Nguyên nhân |
| audit\_report | Bool | Đưa vào báo cáo kiểm toán |
| classify\_audit\_detect | Int | Phân loại kiểm toán |
| summary\_audit\_detect | string | Tóm tắt phát hiện |
| followers | Int | Người theo dõi |
| Opinion\_audit | bool | Ý kiến của ĐVĐKT |
| reason | String | Lý do |

public virtual ICollection<AuditObserve> AuditObserve { get; set; }

Bảng Quan Sát

Bảng Phát Hiện

Bảng Giấy tờ

**AUDIT\_OBSERVE** //Bảng Quan sát kiểm toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu** | **Ghi chú** |
| id | int |  |
| code\_audit\_observe | String | mã quan sát *QS.[YYYY].[XXXX] ( YYYY là năm, XXXX là số tự tăng 0001)* |
| year | int | năm kiểm toán |
| auditwork\_id | int | id của cuộc kiểm toán ở trạng thái Đã duyệt thuộc năm đã chọn |
| auditwork\_name | string | Tên cuộc kiểm toán |
| name\_audit\_ observe | String | tên quan sát |
| audit\_detect\_id | int | ForeignKey bảng phát hiện kt |
| discoverer | Int | Người phát hiện |
| working\_paper\_id | int | ForeignKey bảng giấy tờ làm việc |